TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: **912**/2023/HS-PT
Ngày: 13-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các thẩm phán: Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Nguyễn Thanh Nhã**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà **Giang Thị Ánh Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 782/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TT, HN.

**** Các bị cáo bị kháng cáo:***

1. NGUYỄN THỊ Đ, sinh ngày 02/01/1968 tại HN; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu A (đã chết) và bà Đặng Thị K; có chồng Đặng Hữu T (đã chết) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. NGUYỄN ĐỨC H, sinh ngày 28/01/1974 tại HN; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn Y, xã TX, huyện TT, TP HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị K và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

3. ĐẶNG HỮU T, sinh ngày 12/10/1979 tại HN; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hữu Đ và bà Ngô Thị Đ; có vợ Nguyễn Thị L và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

*** Bị hại có kháng cáo:**

Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1974 và chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP HN, có mặt.

*** Người làm chứng:**

Anh **Nguyễn Hoài N**, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP HN, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2000, gia đình anh Nguyễn Văn L (SN 1974, trú tại: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP HN) được UBND huyện TT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp thửa đất số 300 tờ bản đồ số 02 với diện tích 552m^2 thuộc cánh đồng Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP HN. Đến năm 2004, UBND tỉnh HT có quyết định thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình anh L phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Bình Phú I. Gia đình anh L đã được BQLDA bồi thường giải phóng mặt bằng, đồng thời giải quyết cấp thuê đất gắp phiếu trúng ô thửa số 100 tờ bản đồ 00 với diện tích 200,5m^2, nhưng do vướng mắc giải phóng mặt bằng nên UBND xã BP chưa giao được cho hộ gia đình anh L. Do chưa

nhận được đền bù vào khoảng đầu năm 2009, anh L đã tự ý chiếm giữ thửa đất với diện tích khoảng hơn 300m^2 tại vị trí thuộc cụm Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Bình Phú I, không thuộc phần diện tích trên thửa đất số 300 tờ bản đồ 02 và xây tường bao vây xung quanh dài 25 mét, cao khoảng 60 cm, rộng 10 cm, gồm 10 trụ cột kích thước 20x20cm, bên trong trồng các loại cây gồm: 01 cây Si, 14 cây xanh, 03 cây lộc vừng, 01 cây đa, 01 cây sấu (giống cây sấu ta), 15 cây chuối (loại chuối lá), 01 cây khế, anh L còn để 01 chậu trồng cây hình vuông bằng bê tông, 01 chậu tròn trồng cây bằng bê tông trên thửa đất lấn chiếm, ngoài ra anh L dựng lán xưởng trái phép với diện tích khoảng 87m^2. UBND xã BP nhiều lần đình chỉ nhưng anh L vẫn tiếp tục chiếm giữ trồng cây, dựng lán xưởng, phần diện tích anh L chiếm giữ thuộc quyền quản lý của UBND xã BP.

Năm 2015, UBND xã BP tổ chức cho các hộ gia đình có đất ruộng bị thu hồi tham gia gắp thăm thuê đất tại cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Bình Phú I. Trong đó bị cáo Nguyễn Thị Đ (Sn 1968, trú tại Thôn TH, xã BP, huyện TT) gắp được thửa đất số 65 tờ bản đồ 00 diện tích 100m^2, anh Nguyễn Văn T (Sn 1981, trú tại Thôn TH, xã BP, huyện TT) đứng tên gắp thăm hộ chị gái là Nguyễn Thị K (Sn 1977, trú tại thôn Yên, xã TX, huyện TT, TP HN), do anh T chưa làm đủ thủ tục nên chưa được công nhận tham gia gắp ô thửa đất, tuy nhiên anh T tự nhận gắp được thửa đất số 67 tờ bản đồ 00 diện tích 100m^2 và báo với chị K biết, nên từ đó chị K nghĩ gia đình đã gắp được thửa đất nêu trên. Do phần diện tích đất anh L chiếm giữ nằm trong diện tích hộ gia đình bị cáo Đ gắp thăm được nên UBND xã BP chưa bàn giao được cho bà Đ.

Khoảng cuối tháng 2/2020, do bức xúc việc gia đình anh L chiếm giữ thửa đất 65 và 67 tờ bản đồ 00 tại cụm Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Bình Phú I. Bị cáo Đ và bị cáo Nguyễn Đức H (Sn 1974, trú tại thôn Y, xã TX, huyện TT, TP HN - chồng của chị K) đã bàn bạc với nhau thuê người san lấp mặt bằng và chuyển cây của anh L trồng lấn chiếm trên các thửa đất trên. Sau khi bàn bạc, thỏa thuận bị cáo Đ là người đứng ra tìm thuê người, chi phí thuê mỗi bên chịu một nửa. Do có mối quan hệ quen

biết với bị cáo Đặng Hữu T (Sn 1979, trú tại Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP HN - làm nghề san lấp mặt bằng) nên bị cáo Đ đặt vấn đề thuê bị cáo T san lấp mặt bằng và chuyển toàn bộ số cây của gia đình anh L trồng trên các thửa đất 65 và 67 tờ bản đồ 00 ra ngoài để lấy lại mặt bằng, khi đặt vấn đề thuê bị cáo Đ đã nói cho bị cáo T biết rõ về nguồn gốc thửa đất 65 và 67 tờ bản đồ 00 là của chị Đ gắp thăm trúng nhưng đang bị anh L chiếm giữ, trên các thửa đất có tài sản là cây trồng và tường bao của anh L trồng, xây dựng trái phép bị cáo Đ đã yêu cầu anh L tự chuyển cây đi trả lại mặt bằng nhưng anh L không đồng ý, khi biết về nguồn gốc thửa đất và biết tài sản trên đất không phải của chị Đ mà là của người khác nhưng bị cáo T vẫn đồng ý nhận làm, bị cáo Đ báo lại cho bị cáo H biết đã thuê được bị cáo T san lấp mặt bằng và chuyển toàn bộ số cây của gia đình anh L trồng trên các thửa đất 65 và 67 tờ bản đồ 00 để lấy lại mặt bằng, bị cáo H đồng ý thuê bị cáo T làm.

Khoảng 19 giờ ngày 29/2/2020, bị cáo Đ đến nhà bị cáo T tiếp tục nói cho bị cáo T biết việc anh L đang chiếm giữ thửa đất 65, 67 tờ bản đồ 00 và trồng cây, xây tường bao vây quanh trên thửa của bị cáo Đ và gia đình H đến việc UBND xã không bàn giao được các thửa trên để sử dụng. Bị cáo Đ bàn bạc với bị cáo T về việc chốt ngày san lấp mặt bằng và chuyển toàn bộ số cây của anh L trồng trên các thửa đất 65 và 67 ra ngoài để lấy lại mặt bằng. Do là người cùng xã và có quen biết với anh L nên bị cáo Đ và bị cáo T gọi anh L đến nhà để nói chuyện về việc chuyển cây ra khỏi các thửa đất. Khi anh L đến nhà bị cáo T thì bị cáo Đ và bị cáo T yêu cầu anh L chuyển số cây trồng trên các thửa đất số 65 và 67 tờ bản đồ 00 đi để trả lại mặt bằng thửa đất số 65 cho bị cáo Đ và thửa đất số 67 cho bị cáo H nhưng anh L không đồng ý bỏ về, khi ra về bị cáo Đ thông báo cho anh L biết nếu không tự chuyển thì bị cáo Đ sẽ cho người san lấp mặt bằng và chuyển cây đi. Bị cáo Đ thống nhất thuê bị cáo T vào ngày 01/3/2020 sẽ tiến hành chuyển cây, san lấp mặt bằng kinh phí sau khi làm xong sẽ thanh toán thì bị cáo T đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 01/3/2020, bị cáo Đ gặp anh L và chị Nguyễn Thị H (Sn 1975 vợ anh L) đang làm vườn tại các thửa đất

chiếm giữ, bị cáo Đ thông báo cho anh L và chị H biết đến tối sẽ cho người đến san lấp, chuyển cây ra ngoài thì anh L không đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo T phân công anh Bùi Văn V (Sn 1991, trú tại thôn ĐK, xã TT, huyện TT, tỉnh TB - thợ lái máy múc cho bị cáo T) đưa máy múc đến thửa đất số 65 và 67 tờ bản đồ 00 và tiến hành san lấp, phá tường bao, chuyển cây ra ngoài, bị cáo T thuê 05 nam giới (lao động tự do, không rõ tên tuổi, địa chỉ) đến chuyển toàn bộ cây ra ngoài. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì đã san lấp mặt bằng xong, chuyển hết toàn bộ số cây của gia đình anh L trồng trên thửa đất 65 và 67 tờ bản đồ 00 ra ngoài, khi bị cáo T và V đang chuyển máy ra về thì cháu Nguyễn Hoài N (Sn 2003 con trai anh L) đi qua phát hiện đã báo cho anh L biết, anh L và chị H đến khu vườn cây thì thấy toàn bộ số cây trồng trên thửa đất đã bị chuyển ra ngoài nằm trên đường, tường bao đã bị phá, rất nhiều cây trồng dập gẫy hư hỏng. Anh L đã đến Công an xã BP trình báo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 16/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TT kết luận: Tổng giá trị các tài sản bị hủy hoại là: 6.278.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Ngày 29/6/2023, cơ quan điều tra đã ra yêu cầu định giá lại gửi đến hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố HN đề nghị định giá lại các tài sản bị thiệt hại trong vụ án xảy ngày 1/3/2020.

Ngày 17/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố HN có văn bản trả lời yêu cầu định giá số 26/YC-ĐGL ngày 29/6/2023 của cơ quan điều tra huyện TT như sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 3/7/2018 của Chính phủ quy định: "Định giá lại trong trường hợp có nghi ngờ về kết luận định giá lần đầu được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có đầy đủ căn cứ nghi ngờ về kết luận trên".

Tuy nhiên, hồ sơ gửi kèm Yêu cầu định giá lại số 26/YC-ĐGL TS ngày 29/6/2023 của cơ quan CSĐT- Công an huyện TT chưa cung cấp được căn cứ nghi ngờ của mình về kết luận định giá số 56/KL-HĐĐG ngày

16/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TT. Do vậy, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố không có cơ sở định giá lại theo yêu cầu cửa Cơ quan CSĐT- Công an huyện TT.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ngày 12/9/2023 các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện TT số tiền 30.000.000 đồng (mỗi bị cáo nộp 10.000.000 đồng) để bồi thường khắc phục hậu quả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TT đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Đức H, Đặng Hữu T phạm tội *"Hủy hoại tài sản"*;

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt: Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt: Nguyễn Đức H 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt: Đặng Hữu T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ và Đặng Hữu T cho UBND xã BP, huyện TT, thành phố HN quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho UBND xã TX, huyện TT, thành phố HN quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT để đảm bảo việc thi hành án *(theo biên lai thu tiền số AA/2020/0019201, số AA/2020/0019150, sô AA/2020/0019202 ngày 12/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT)*.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2023 bị hại Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để định giá lại; án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là nhẹ và buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại đúng giá trị thực tế bị hại bỏ tiền ra mua.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Đức H, Đặng Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

Bị hại Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để định giá lại tài sản bị thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xem xét kháng cáo của bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Đức H, Đặng Hữu T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do bức xúc việc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H chiếm giữ thửa đất số 65 và 67, tờ bản đồ 00, tại Cụm Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Bình Phú I dẫn đến gia đình bị cáo Nguyễn Thị Đ không

được giao đất nên bị cáo Đ và bị cáo Nguyễn Đức H đã bàn bạc với nhau thuê bị cáo Đặng Hữu T san lấp mặt bằng và chuyển toàn bộ số cây của gia đình anh Nguyễn Văn L trồng trên các thửa đất 65 và 67 tờ bản đồ 00 ra ngoài để lấy lại mặt bằng. Khoảng 19 giờ ngày 01/3/2020, bị cáo Đặng Hữu T đã cho người đưa máy múc đến thửa đất số 65 và 67 tờ bản đồ 00 và tiến hành san lấp, phá tường bao, chuyển cây ra ngoài gây thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là 6.278.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Đức H, Đặng Hữu T đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội *"Hủy hoại tài sản"* theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H đề nghị hủy án sơ thẩm để định giá lại tài sản thiệt hại thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy căn cứ vào các quy định của pháp luật thì Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TT là cơ quan có đủ thẩm quyền định giá tài sản bị thiệt hại trong vụ án hình sự; quá trình định giá đã được Hội đồng định giá thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và hợp pháp; Ngày 29/6/2023, cơ quan điều tra đã ra yêu cầu định giá lại gửi đến hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố HN đề nghị định giá lại các tài sản bị thiệt hại trong vụ án xảy ngày 01/3/2020 và ngày 17/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố HN có văn bản trả lời yêu cầu định giá số 26/YC-ĐGL ngày 29/6/2023 của cơ quan điều tra huyện TT: "Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 3/7/2018 của Chính phủ quy định: "Định giá lại trong trường hợp có nghi ngờ về kết luận định giá lần đầu được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có đầy đủ căn cứ nghi ngờ về kết luận trên". Tuy nhiên, hồ sơ gửi kèm Yêu cầu định giá lại số 26/YC-ĐGL TS ngày 29/6/2023 của cơ quan CSĐT- Công an huyện TT chưa cung cấp được căn cứ nghi ngờ của mình về kết luận định giá số 56/KL-HĐĐG ngày 16/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TT. Do vậy, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố không có cơ sở định giá lại theo yêu cầu cửa Cơ quan CSĐT- Công an

huyện TT". Tại cấp phúc thẩm, bị hại đề nghị hủy án sơ thẩm để định giá lại song không đưa ra được căn cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy án sơ thẩm của bị hại.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án; xem xét bị hại và chính quyền xã cũng có lỗi một phần; các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thiệt hại xảy ra không lớn; quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Đ và bị cáo T có thân nhân là liệt sỹ, bị cáo T có thời gian tham gia quân đội đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ; 07 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Đức H; 06 tháng tù đối với bị cáo Đặng Hữu T và đều cho các bị cáo được hưởng án treo cùng về tội *"Hủy hoại tài sản"* là có căn cứ, không bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp và cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành con người có ích cho xã hội. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo đối với bị hại quá mức thiệt hại của bị hại đã được định giá là có lợi cho bị hại. Bị hại kháng cáo song không đưa ra căn cứ nào nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị hại, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[5] Các bị cáo không có kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Thị Đ 09** *(Chín)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **18** *(Mười tám)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội *"Hủy hoại tài sản"*.

+ Bị cáo **Nguyễn Đức H 07** *(Bảy)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **14** *(Mười bốn)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội *"Hủy hoại tài sản"*.

+ Bị cáo **Đặng Hữu T 06** *(Sáu)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **12** *(Mười hai)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội *"Hủy hoại tài sản"*.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ và Đặng Hữu T cho UBND xã BP, huyện TT, TP HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho UBND xã TX, huyện TT, TP HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền **30.000.000** đồng *(Ba mươi triệu đồng)*. Tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT để đảm bảo việc thi hành án *(Theo biên lai thu tiền số AA/2020/0019201, số AA/2020/0019150, số AA/2020/0019202 ngày 12/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT)*.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Đức H và Đặng Hữu T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP HN;
- Tòa án nhân dân huyện TT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TT;
- Công an huyện TT;
- Chi cục T.H.A DS huyện TT;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Ngọc Cảnh